

# **Những điểm mới của Luật SHTT về bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn**

**Phòng Pháp chế và Chính sách, Cục Sở hữu trí tuệ**



# NỘI DUNG

I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SC

II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT  
LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC (NSNN)



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

1. Tính mới của SC
2. Quyền đăng ký SC
3. Kiểm soát an ninh đối với SC trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài
4. Hủy bỏ hiệu lực VBBH
5. Sửa đổi VBBH
6. Yêu cầu chung đối với đơn đăng ký SC
7. Sáng chế mật
8. Thẩm định hình thức đơn
9. Phản đối đơn
10. Thẩm định nội dung đơn
11. Từ chối cấp VBBH
12. Đền bù cho chủ sở hữu SC vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm
13. Căn cứ bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với SC
14. Điều kiện hạn chế quyền sử dụng SC được chuyển giao theo quyết định bắt buộc
15. Quy định chuyển tiếp



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 1. Tính mới của SC (Điều 60)

### Sửa đổi quy định về tính mới của SC

#### Điều 60. Tính mới của sáng chế

1. Sáng chế được coi là có tính mới nếu *không thuộc một trong các trường hợp sau đây*:

*a) Chưa bị* bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc trước ngày ưu tiên trong trường hợp đơn đăng ký sáng chế được hưởng quyền ưu tiên.

*b) Bị bộc lộ trong đơn đăng ký sáng chế khác có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn nhưng được công bố vào hoặc sau ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế đó.*



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 2. Quyền đăng ký SC (Điều 86)

**Bổ sung quy định** cho phép tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích có quyền đăng ký SC

### **Điều 86. Quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí**

1. Tổ chức, cá nhân sau đây có quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí:

b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, *tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích*, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác ~~và thỏa thuận đó không trái với quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trường hợp quy định tại Điều 86a của Luật này.~~



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 3. Bổ sung quy định về kiểm soát an ninh đối với SC trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài (Điều 89a)

**Điều 89a. Kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài**

1. Sáng chế thuộc các lĩnh vực kỹ thuật có tác động đến quốc phòng, an ninh, được tạo ra tại Việt Nam và thuộc quyền đăng ký của cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam hoặc của tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam chỉ được nộp đơn đăng ký sáng chế ở nước ngoài nếu đã được nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam để thực hiện thủ tục kiểm soát an ninh.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 4. Hủy bỏ hiệu lực VBBH (Điều 96)

### - Bổ sung các trường hợp huỷ bỏ toàn bộ hiệu lực

- + Đơn đăng ký SC được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh
- + Đơn đăng ký SC đối với SC được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen nhưng không bộc lộ hoặc bộc lộ không chính xác về nguồn gốc



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 4. Hủy bỏ hiệu lực VBBH (Điều 96) (tiếp)

- Sửa đổi các trường hợp hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực

### Điều 96. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

*2. Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực nếu toàn bộ hoặc một phần văn bằng bảo hộ đó không đáp ứng quy định của Luật này về quyền đăng ký, điều kiện bảo hộ, sửa đổi, bổ sung đơn, bộc lộ sáng chế, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên trong các trường hợp sau đây:*

a) Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được *người có quyền đăng ký* chuyển nhượng quyền đăng ký đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu;

b) Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ ~~tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ~~ *quy định tại Điều 8 và Chương VII của Luật này;*





# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 4. Hủy bỏ hiệu lực VBBH (Điều 96) (tiếp)

### - Bổ sung các trường hợp hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực

+ Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký SC làm mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn;

+ SC không được bộc lộ đầy đủ và rõ ràng đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được

+ SC được cấp văn bằng bảo hộ vượt quá phạm vi bộc lộ trong bản mô tả ban đầu của đơn đăng ký SC

+ Sáng chế không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 4. Hủy bỏ hiệu lực VBBH (Điều 96) (tiếp)

- Bổ sung quy định nhằm làm rõ hiệu lực của VBBH bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực

### Điều 96. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

*23. Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ **toàn bộ hoặc** một phần hiệu lực **quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì toàn bộ hoặc một phần bị hủy bỏ của văn bằng bảo hộ đó không phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm cấp văn bằng** trong trường hợp phần đó không đáp ứng điều kiện bảo hộ.*



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 5. Sửa đổi VBBH (Điều 97)

### Sửa đổi quy định về sửa đổi thông tin trên VBBH

#### Điều 97. Sửa đổi văn bằng bảo hộ

1. Chủ văn bằng bảo hộ, *tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý theo quy định tại Điều 88 của Luật này* có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp sửa đổi những thông tin sau đây trên văn bằng bảo hộ với điều kiện phải nộp phí, lệ phí:

a) Thay đổi, sửa chữa thiếu sót liên quan đến tên và *quốc tịch của tác giả, tên và địa chỉ của ~~tác giả~~, chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý;*



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 6. Yêu cầu chung đối với đơn đăng ký SC (Điều 100)

**Bổ sung quy định về tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen đối với SC được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen.**

### **Điều 100. Yêu cầu chung đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp**

1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bao gồm các tài liệu sau đây:

*đ1) Tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen trong đơn đăng ký sáng chế, đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen;*



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 7. Sáng chế mật

### - Giải thích từ ngữ (Điều 4)

**Bổ sung khái niệm SC mật:** là SC được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định là bí mật NN theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật NN.

### - Tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp (Điều 108)

**Bổ sung quy định** giao Chính phủ quy định chi tiết về xử lý đơn đăng ký SC mật.

**Điều 108. Tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, ngày nộp đơn**

*3. Đơn đăng ký đối với sáng chế mật được thực hiện theo quy định của Chính phủ.*



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 8. Thẩm định hình thức đơn (Điều 109)

Bổ sung trường hợp từ chối chấp nhận đơn hợp lệ nếu đơn đăng ký SC được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh.

### **Điều 109. Thẩm định hình thức đơn đăng ký sở hữu công nghiệp**

2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bị coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:

*e) Đơn đăng ký sáng chế được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế quy định tại Điều 89a của Luật này.*



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 9. Phản đối đơn (Điều 112a)

### **Bổ sung quy định về thời hạn phản đối việc cấp VBBH:**

- 09 tháng kể từ ngày đơn đăng ký SC được công bố.
- Ý kiến phản đối phải được lập thành văn bản kèm theo tài liệu hoặc trích dẫn nguồn thông tin để chứng minh và phải nộp phí, lệ phí.
- Cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN có trách nhiệm xử lý ý kiến phản đối theo trình tự, thủ tục do Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 10. Thẩm định nội dung đơn (Điều 114)

- Bổ sung quy định cho phép cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN có thể sử dụng kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký SC trùng với SC được yêu cầu bảo hộ do cơ quan SC nước ngoài thực hiện trong quá trình đánh giá khả năng bảo hộ.
- Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết việc sử dụng kết quả thẩm định nội dung.





# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 11. Từ chối cấp VBBH (Điều 117)

### **Bổ sung các trường hợp từ chối cấp VBBH (tương tự các trường hợp huỷ bỏ)**

- Người nộp đơn không có quyền đăng ký
- Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký SC làm mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn
- SC được yêu cầu bảo hộ vượt quá phạm vi bộc lộ trong bản mô tả ban đầu.
- SC không được bộc lộ đầy đủ và rõ ràng trong bản mô tả SC đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được SC.
- Đơn đăng ký SC không bộc lộ hoặc bộc lộ không chính xác về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen.
- Đơn đăng ký SC được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## **12. Bổ sung quy định về đền bù cho chủ sở hữu SC vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm (Điều 131a)**

- Chủ BĐQSC không phải nộp phí sử dụng VBBH cho khoảng thời gian mà thủ tục đăng ký lưu hành lần đầu của dược phẩm bị chậm.
- Thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm bị xem là chậm nếu kết thúc thời hạn hai năm, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký lưu hành mà cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm không có văn bản phản hồi lần đầu đối với hồ sơ.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## **12. Bổ sung quy định về đền bù cho chủ sở hữu SC vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm (Điều 131a) (tiếp)**

- Khoảng thời gian bị chậm được tính từ ngày đầu tiên sau khi kết thúc hai năm kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành dược phẩm nhận đủ hồ sơ đến khi có văn bản phản hồi lần đầu.
- Thời gian chậm do lỗi của người nộp đơn hoặc do nguyên nhân nằm ngoài kiểm soát của cơ quan NN có thẩm quyền không tính vào các khoảng thời gian bị chậm.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## **12. Bổ sung quy định về đền bù cho chủ sở hữu SC vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm (Điều 131a) (tiếp)**

- Trường hợp chủ BĐQSC đã nộp phí sử dụng VBBH, số phí đã nộp sẽ được trừ vào kỳ duy trì hiệu lực tiếp theo hoặc hoàn trả.
- Để không phải nộp phí sử dụng, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày dược phẩm được cấp phép lưu hành, chủ BĐQSC phải nộp văn bản xác nhận thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm bị chậm.
- Giao Chính phủ quy định chi tiết.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 13. Căn cứ bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với SC (Điều 145)

**Bổ sung quy định** về việc sử dụng SC nhằm đáp ứng nhu cầu về dược phẩm để phòng bệnh, chữa bệnh của quốc gia khác có đủ điều kiện nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà VN là thành viên.



# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 14. Điều kiện hạn chế quyền sử dụng SC được chuyển giao theo quyết định bắt buộc (Điều 146)

### Sửa đổi quy định về trả tiền đền bù

#### Điều 146. Điều kiện hạn chế quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc

1. Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải phù hợp với các điều kiện sau đây:

d) Người được chuyển giao quyền sử dụng phải trả cho người nắm độc quyền sử dụng sáng chế **một** khoản tiền đền bù ~~thỏa đáng tùy thuộc vào giá trị kinh tế của quyền sử dụng đó trong từng trường hợp cụ thể phù hợp với khung giá đền bù do Chính phủ quy định~~ *theo thỏa thuận, trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc để nhập khẩu dược phẩm theo cơ chế của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và khoản tiền đền bù cho việc sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc đã được trả tại nước xuất khẩu;*

# I. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ

## 15. Quy định chuyển tiếp

Đơn đăng ký SC đã nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn, trừ trường hợp:

Việc kiểm soát an ninh đối với SC trong đơn đăng ký SC chưa có quyết định cấp hoặc từ chối cấp VBBH trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 89a được bổ sung theo khoản 27 Điều 1 của Luật này



## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

1. Giải thích từ ngữ
2. Hiệu lực của VBBH
3. Yêu cầu đối với đơn đăng ký KDCN
4. Công bố đơn
5. Phản đối đơn đăng ký SHCN
6. Chủ sở hữu đối tượng SHCN
7. Quy định chuyển tiếp





## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 1. Giải thích từ ngữ (Điều 4)

#### Sửa đổi định nghĩa về KDCN

##### Điều 4. Giải thích từ ngữ

13. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm *hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp*, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này *và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp*.



## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 2. Hiệu lực của VBBH (Điều 93)

#### **Bổ sung quy định về hiệu lực của Đăng ký quốc tế KDCN có chỉ định Việt Nam theo Thỏa ước La Hay**

- Có hiệu lực kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN ra quyết định chấp nhận bảo hộ đối với KDCN hoặc kể từ ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn 06 tháng tính từ ngày Văn phòng quốc tế công bố, tính theo thời điểm nào sớm hơn.
- Thời hạn hiệu lực của đăng ký quốc tế KDCN được tính theo quy định của Thỏa ước La Hay.



## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 3. Yêu cầu đối với đơn đăng ký KDCN (Điều 103)

#### Sửa đổi theo hướng đơn giản hoá

##### **Điều 103. Yêu cầu đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp**

1. Tài liệu xác định kiểu dáng công nghiệp cần bảo hộ trong đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp gồm ~~bản mô tả kiểu dáng công nghiệp và bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp và bản mô tả kiểu dáng công nghiệp được thể hiện trong bộ ảnh chụp, bản vẽ.~~ *Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp gồm phần mô tả kiểu dáng công nghiệp và phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp.*

2. ~~Bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp phải thể hiện đầy đủ các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ đến mức căn cứ vào đó, người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực tương ứng có thể xác định được kiểu dáng công nghiệp đó.~~

2. ~~Phần mô tả kiểu dáng công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau đây:~~

a) ~~Bộc lộ đầy đủ tất cả các đặc điểm tạo dáng thể hiện bản chất của kiểu dáng công nghiệp và nêu rõ các đặc điểm tạo dáng mới, khác biệt so với kiểu dáng công nghiệp ít khác biệt nhất đã biết, phù hợp với bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ;~~

b) ~~Trường hợp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp gồm nhiều phương án thì phần mô tả phải thể hiện đầy đủ các phương án và chỉ rõ các đặc điểm khác biệt giữa phương án cơ bản với các phương án còn lại;~~

c) ~~Trường hợp kiểu dáng công nghiệp nêu trong đơn đăng ký là kiểu dáng của bộ sản phẩm thì phần mô tả phải thể hiện đầy đủ kiểu dáng của từng sản phẩm trong bộ sản phẩm đó.~~

3. ~~Phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp phải nêu rõ các đặc điểm tạo dáng cần được bảo hộ, bao gồm các đặc điểm mới, khác biệt với các kiểu dáng công nghiệp tương tự đã biết.~~

4.3. ~~Bản mô tả Bộ kiểu dáng công nghiệp được thể hiện trong bộ ảnh chụp, bản vẽ phải liệt kê thứ tự các ảnh chụp, bản vẽ trong bộ ảnh chụp, bản vẽ và phải thể hiện đầy đủ các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp.~~

## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 4. Công bố đơn (Điều 110)

#### **Bổ sung quy định cho phép công bố muộn đơn KDCN**

Theo yêu cầu của người nộp đơn tại thời điểm nộp đơn nhưng không quá 07 tháng kể từ ngày nộp đơn.



## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 5. Phản đối đơn đăng ký SHCN (Điều 112a)

#### Bổ sung quy định về thời hạn phản đối đơn đăng ký SHCN

- 04 tháng kể từ ngày đơn đăng ký KDCN được công bố.
- Ý kiến phản đối phải được lập thành văn bản kèm theo tài liệu hoặc trích dẫn nguồn thông tin để chứng minh và phải nộp phí, lệ phí.
- Cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN có trách nhiệm xử lý ý kiến phản đối theo trình tự, thủ tục do Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định.



## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 6. Chủ sở hữu đối tượng SHCN (Điều 121)

#### Sửa đổi quy định về chủ sở hữu KDCN

##### Điều 121. Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp

1. Chủ sở hữu sáng chế, ~~kiểu dáng công nghiệp~~, thiết kế bố trí là tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp tương ứng.

*Chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp là tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp hoặc có kiểu dáng công nghiệp đã đăng ký quốc tế được cơ quan có thẩm quyền công nhận.*



## II. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ BẢO HỘ KDCN

### 7. Quy định chuyển tiếp

- Đơn đăng ký KDCN đã nộp trước ngày Luật có hiệu lực thi hành được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn trừ trường hợp: Quy định tại khoản 13 Điều 4 của Luật Sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 1 Điều 1 được áp dụng cho các đơn đăng ký KDCN được nộp từ ngày 01/8/2020 nhưng chưa có quyết định cấp hoặc từ chối cấp VBBH trước ngày Luật có hiệu lực thi hành

- Quyền và nghĩa vụ đối với KDCN là bộ phận của sản phẩm lắp ráp thành sản phẩm phức hợp theo VBBH đã được cấp trên cơ sở đơn đăng ký trước ngày 01/8/2020 được áp dụng theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày Luật có hiệu lực thi hành. Căn cứ hủy bỏ hiệu lực VBBH được áp dụng theo quy định của pháp luật có hiệu lực đối với việc xét cấp VBBH đó.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

1. Quyền đăng ký
2. Quyền của NN
3. Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì
4. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, TKBT
5. Các điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng quyền SHCN
6. Quy định chuyển tiếp





### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 1. Quyền đăng ký (Điều 86a)

#### **Quyền đăng ký SC, KDCN, TKBT là kết quả của nhiệm vụ KH&CN:**

- Sử dụng toàn bộ NSNN: quyền đăng ký được giao cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn.
- Được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần NSNN: phần quyền đăng ký tương ứng với tỷ lệ phần NSNN được giao cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 1. Quyền đăng ký (Điều 86a) (tiếp)

Ngoại trừ, SC, KDCN, TKBT là kết quả của nhiệm vụ KH&CN **thuộc lĩnh vực quốc phòng và an ninh quốc gia:**

- + Sử dụng toàn bộ NSNN, quyền đăng ký thuộc về Nhà nước.
- + Được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần NSNN, phần quyền đăng ký tương ứng với tỷ lệ phần NSNN thuộc về NN.
- + Đại diện chủ sở hữu NN thực hiện quyền đăng ký.
- Giao Chính phủ quy định chi tiết.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 2. Quyền của NN (Điều 133a)

- Đại diện chủ sở hữu NN **thông báo công khai trong thời hạn 90 ngày để giao quyền đăng ký** cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu trong các trường hợp sau đây:
  - + Tổ chức chủ trì không thực hiện nghĩa vụ thông báo;
  - + Tổ chức chủ trì có văn bản báo cáo đại diện chủ sở hữu NN về việc không có nhu cầu đăng ký;
  - + Tổ chức chủ trì không nộp đơn đăng ký trong thời hạn quy định.
- Trường hợp không giao được quyền đăng ký cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu, đại diện chủ sở hữu NN **công bố công khai** trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN về **nội dung SC, KDCN, TKBT**.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 2. Quyền của NN (Điều 133a) (tiếp)

- Các trường hợp cơ quan NN có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng mà không cần sự đồng ý của người nắm độc quyền sử dụng:
  - + Người nắm độc quyền sử dụng không thực hiện trong một thời gian hợp lý các biện pháp hiệu quả để sử dụng SC, KDCN, TKBT mà Nhà nước hỗ trợ trên 30% tổng số vốn;
  - + Việc sử dụng nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của XH.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 2. Quyền của NN (Điều 133a) (tiếp)

- Trả khoản tiền đền bù cho người nắm độc quyền sử dụng do cơ quan NN có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng SC, KDCN, TKBT:
  - + SC, KDCN, TKBT sử dụng toàn bộ NSNN: không phải trả tiền đền bù;
  - + SC, KDCN, TKBT được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần NSNN: không phải trả tiền đền bù cho phần quyền sử dụng tương ứng với phần NSNN đầu tư nhưng phải trả tiền đền bù đối với phần quyền sử dụng tương ứng với phần vốn đầu tư còn lại.
- Giao Chính phủ quy định chi tiết.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 3. Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì (Điều 136a)

- Thông báo cho đại diện chủ sở hữu NN trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày SC, KDCN, TKBT được tạo ra.
- Nộp đơn đăng ký xác lập quyền tại Việt Nam trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày gửi thông báo cho đại diện chủ sở hữu NN.
- Trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, TKBT.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 3. Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì (Điều 136a) (tiếp)

- Phân chia lợi nhuận sau thuế thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền, góp vốn bằng SC, KDCN, TKBT sau khi đã trả thù lao cho tác giả

+ NN hỗ trợ < 30% tổng số vốn: phần lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ góp vốn của NN được sử dụng theo quy chế quản lý tài chính của tổ chức chủ trì.



# III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

## 3. Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì (Điều 136a) (tiếp)

+ NN hỗ trợ > 30% tổng số vốn:

- ✓ Thanh toán cho người môi giới (nếu có) theo hợp đồng môi giới, không quá 10%;
- ✓ Sử dụng toàn bộ NSNN:
  - tối thiểu 50% phần lợi nhuận còn lại được dùng để đầu tư cho hoạt động KH&CN;
  - số lợi nhuận còn lại được sử dụng theo quy chế quản lý tài chính của tổ chức chủ trì;
- ✓ Được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn:
  - Phần lợi nhuận còn lại được chia cho các bên tương ứng với tỷ lệ vốn đã đóng góp.
  - Phần lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ góp vốn của NN được sử dụng tương tự như trường hợp sử dụng toàn bộ NSNN





### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 3. Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì (Điều 136a) (tiếp)

- Thực hiện các quyền SHCN theo quy định.
- Thực hiện các biện pháp bảo vệ.
- Nộp báo cáo hằng năm cho cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN về việc thực hiện. quyền, biện pháp bảo vệ và việc phân chia lợi nhuận.
- Giao Chính phủ quy định chi tiết.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 4. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, TKBT (Điều 135)

##### - Sửa đổi quy định về trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, TKBT

**Điều 135. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí**

1. ~~Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả theo thỏa thuận; trường hợp không có thỏa thuận thì mức thù lao trả cho tác giả quy định như sau: quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.~~

~~2. Mức thù lao tối thiểu mà chủ sở hữu phải trả cho tác giả được quy định như sau:~~

a) 10% ~~số tiền làm lợi lợi nhuận trước thuế~~ mà chủ sở hữu thu được do sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;

b) 15% tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí ~~trước khi nộp thuế theo quy định.~~

### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 4. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, TKBT (Điều 135) (tiếp)

- **Bổ sung quy định về trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, TKBT là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN**

+ Tối thiểu 10% và tối đa 15% lợi nhuận trước thuế mà chủ sở hữu thu được do sử dụng SC, KDCN, TKBT ;

+ Tối thiểu 15% và tối đa 20% tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng SC, KDCN, TKBT



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### **5. Các điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng quyền SHCN (Điều 139)**

##### **Bổ sung quy định về hạn chế chuyển nhượng quyền SHCN**

- Chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức được thành lập theo pháp luật VN, cá nhân là công dân VN và thường trú tại VN.
- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của tổ chức chủ trì.



### III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SHTT VỀ SC, KDCN, TKBT LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NSNN

#### 6. Quy định chuyển tiếp

Quy định tại các điều 86, 86a, 133a, 135, 136a, 139, 164, 191, 191a, 191b và 194 của Luật Sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung theo các khoản 25, 52, 53, 54, 55, 66, 74 và 75 Điều 1 của Luật này đối với SC, KDCN, TKBT là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN được áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN được giao kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành



**XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN**

